

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 407/2020/HNGĐ-ST;

Ngày: 12/8/2020.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Ngọc Phương;

Ông Nguyễn Trung Trực ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hằng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị P có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Ngọc T cưới nhau vào năm 2019, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích P về việc xin ly hôn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn anh Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Ngọc T cưới nhau năm 2019, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị P xin ly hôn với anh T với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2020. Tại phiên tòa chị P vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, phía anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại

phiên tòa cho thấy anh T không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003663 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị P đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện C;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA